| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CƯ KUIN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Ông Nguyễn Thế Vinh;

2. Bà Hoàng Thị Trang;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn**: Ông Nguyễn Công S, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:*

Bà Trần Thị Ngọc T (nguyên đơn) và ông Nguyễn Công S (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Qua quá trình chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vả, bị đơn xúc phạm nguyên đơn và gia đình nguyên đơn, ngoài ra bị đơn còn đánh đập nguyên đơn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên nguyên đơn và bị đơn đã ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 25/01/2011, cháu Nguyễn Công N, sinh ngày 06/4/2013 và cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 03/12/2017, hiện tại cháu T1 đang ở với nguyên đơn, còn cháu N1 và cháu T2 đang ở với bị đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2 và giao cháu N1 cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Theo bản tự khai ngày 10/01/2024 nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 25/01/2011 là mong muốn ở với mẹ là bà Trần Thị Ngọc T.

Theo biên bản lấy ý kiến ngày 30/01/2024 của cháu Nguyễn Công N2, sinh ngày 06/4/2013 nguyện vọng của cháu N2 là mong muốn ở với bố là ông Nguyễn Công S.

*Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 25/01/2011 và cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 03/12/2017 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Công N2, sinh ngày 06/4/2013 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Nguyễn Công S có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/12/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau, nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng hay cãi vả, xô xát nhau làm cho cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bị đơn để tham gia tố tụng, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bị đơn đều vắng mặt là từ bỏ quyền chứng minh và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân với nguyên đơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 25/01/2011, cháu Nguyễn Công N2, sinh ngày 06/4/2013 và cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 03/12/2017. Hiện nay cháu T1 đang ở với nguyên đơn, còn cháu N2 đang ở với bị đơn, nguyện vọng của cháu T1 mong muốn ở với nguyên đơn, còn cháu N2 mong muốn ở với bị đơn sau khi bố mẹ ly hôn với nhau. Đối với cháu T2 là con gái, hiện nay cháu chưa đủ 07 tuổi nên cần có sự chăm sóc và dạy dỗ của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T1 và cháu Nguyễn Ngọc T2 cho nguyên đơn chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Nguyễn Công N2 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Công S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Công S.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 25/01/2011 và cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 03/12/2017 cho bà Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Công N2, sinh ngày 06/4/2013 cho ông Nguyễn Công S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0017888 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Quốc Định**